

TẠP CHÍ

KHOA HỌC XÃ HỘI
MIỀN TRUNG

Central Vietnamese Review of Social Sciences

Số: 02 (87) 2025
ISSN 1859-2635

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VÙNG TRUNG BỘ VÀ TÂY NGUYÊN

CVRSS

Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung

ISSN 1859 – 2635

TỔNG BIÊN TẬP

TS. Trần Minh Đức

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

PGS.TS. Bùi Đức Hùng (Chủ tịch)

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

TS. Hoàng Hồng Hiệp

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng

Ủy viên Bộ Chính trị

Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

GS.TS. Nguyễn Chí Bền

Viện Văn hoá Nghệ thuật Việt Nam

GS.TS. Trần Thọ Đạt

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

GS.TS. Phạm Văn Đức

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Nguyễn Xuân Kính

Viện Nghiên cứu Văn hoá

GS.TS. Eric Iksoon Im

University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Đỗ Hoài Nam

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Vũ Bằng Tâm

University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Nguyễn Quang Thuần

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Trần Đăng Xuyên

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

BAN BIÊN TẬP

ThS. Châu Ngọc Hoè

ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy

Mục lục

1. Phát triển hợp tác xã nông nghiệp tỉnh Đắk Lắk: Rào cản và giải pháp.....	3
Nguyễn Duy Thụy	
2. Thực trạng bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường ở tỉnh Quảng Nam và một số vấn đề đặt ra	10
Trần Minh Đức, Vũ Thị Ngọc	
3. Hội nghị Thượng đỉnh Tương lai của Liên Hợp Quốc và những vấn đề đặt ra cho thế giới và Việt Nam.....	19
Nguyễn Văn Lịch, Phạm Thị Phương Anh	
4. Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định mua và sử dụng xe máy điện của sinh viên trên địa bàn thành phố Hà Nội	27
Nguyễn Danh Nam, Ưông Thị Ngọc Lan	
5. Phát triển kinh tế lâm nghiệp tại các huyện miền núi phía Bắc của tỉnh Quảng Nam	37
Nguyễn Hoàng Yến	
6. Ảnh hưởng của chất lượng dịch vụ và eWOM đến ý định quay lại các điểm đến du lịch biển Phú Yên: Vai trò của niềm tin và giá trị cảm nhận	46
Lê Đức Tâm	
7. Nâng cao chất lượng dịch vụ vận chuyển khách du lịch bằng taxi tại thành phố Nha Trang... ..	56
Lê Chí Công, Bùi Thị Thúy Vân	
8. Vận dụng mô hình SCP phát triển thị trường cá tra ở Đồng bằng sông Cửu Long – Nghiên cứu trường hợp tỉnh Tiền Giang	64
Mai Văn Xuân, Đỗ Đoàn Trang, Phan Phùng Phú, Mai Lệ Quyên	
9. Văn hóa doanh nghiệp và sự gắn bó của người lao động với công việc: Nghiên cứu thực nghiệm cho các doanh nghiệp FDI tại tỉnh Khánh Hòa	73
Lê Hữu Nghĩa, Nguyễn Thị Hồng Đào	
10. Xung đột xã hội về vấn đề môi trường tại tỉnh Quảng Ngãi trong bối cảnh công nghiệp hóa	81
Nguyễn Thị Thanh Xuyên	
11. Huy động, sử dụng nguồn nhân lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số ở tỉnh Đắk Lắk	90
Đinh Như Hoài	
12. Về nhận diện và phân tích giá trị dân tộc vùng biên giới đất liền ở Việt Nam hiện nay.....	99
Trần Thị Phương Anh, Hoàng Văn Chung	
13. Biên chứng giữa văn hóa và môi trường: Nghiên cứu các giá trị và thực hành truyền thống của cộng đồng vùng đầm phá thành phố Huế	107
Trần Mai Phương, Hồ Viết Hoàng	
14. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn hiện nay.....	115
Trần Thị Hồng Hạnh	
15. Công tác bổ dụng đội ngũ quan lại qua thi cử dưới triều Nguyễn (1802-1885).....	124
Nguyễn Thế Hà, Phan Thùy Giang	
16. Vùng đất Trấn Biên – Biên Hòa (Đồng Nai) từ thế kỷ XVII đến nửa đầu thế kỷ XIX.....	135
Nguyễn Đình Cơ, Nguyễn Phương Đại	
17. Khảo cứu, phê bình kịch hát trên tạp chí Bách Khoa	144
Phạm Ngọc Hiền	

CVRSS

Central Vietnamese Review of Social Sciences

ISSN 1859 – 2635

Quarterly Review

No. 02, 2025

The 18th Year

Contents

1. Development of Agricultural Cooperatives in Dak Lak Province: Barriers and Solutions..... **3**
Nguyen Duy Thuy
2. The current situation of training in knowledge and professional skills for disseminating and educating environmental protection policies and laws in Quang Nam province and emerging issues..... **10**
Tran Minh Duc, Vu Thi Ngoc
3. The United Nations Future Summit and its implications for the world and Vietnam..... **19**
Nguyen Van Lich, Pham Thi Phuong Anh
4. Factors influencing university students' intention to purchase and use electric motorcycles in Hanoi..... **27**
Nguyen Danh Nam, Uong Thi Ngoc Lan
5. Developing forestry-based economic activities in the northern mountainous districts of Quang Nam Province..... **37**
Nguyen Hoang Yen
6. The influence of service quality and eWOM on revisit intention to Phu Yen coastal tourism destinations: The role of trust and perceived value..... **46**
Le Duc Tam
7. Enhancing the quality of tourist taxi services in Nha Trang city **56**
Le Chi Cong, Bui Thi Thuy Van
8. Applying the SCP Model to Develop the Pangasius Market in the Mekong Delta – A Case Study of Tien Giang Province..... **64**
Mai Van Xuan, Do Doan Trang, Phan Phung Phu, Mai Le Quyen
9. Corporate culture and employees' work engagement: An empirical study in FDI enterprises in Khanh Hoa province..... **73**
Le Huu Nghia, Nguyen Thi Hong Dao
10. Environmental-Related Social conflicts in Quang Ngai province in the context of industrialization..... **81**
Nguyen Thi Thanh Xuyen
11. Mobilizing and utilizing human resources for socio-economic development in ethnic minority areas of Dak Lak province..... **90**
Dinh Nhu Hoai
12. On identifying and analyzing the ethnic values of Vietnam's land border areas today **99**
Tran Thi Phuong Anh, Hoang Van Chung
13. The dialectics of culture and environment: A study on traditional values and practices among lagoon communities in Hue city..... **107**
Tran Mai Phuong, Ho Viet Hoang
14. Preserving and promoting the value of tangible cultural heritage in Hoa Vang District, Danang City in the current period..... **114**
Tran Thi Hong Hanh
15. The Appointment of Mandarins through Examinations under the Nguyễn Dynasty (1802–1885) .. **124**
Nguyen The Ha, Phan Thuy Giang
16. The land of Trấn Biên – Biên Hòa (Đồng Nai) from the 17th century to the first half of the 19th century..... **135**
Nguyen Dinh Co, Nguyen Phuong Dai
17. Research, criticism of Vietnamese musical theater in Bach Khoa magazine **144**
Pham Ngoc Hien

Về nhận diện và phân tích giá trị dân tộc vùng biên giới đất liền ở Việt Nam hiện nay

Trần Thị Phương Anh, Hoàng Văn Chung

Viện Nghiên cứu Tôn Giáo

Email liên hệ: tranphuonganh87@gmail.com

Tóm tắt: Nghiên cứu về các dân tộc/tộc người ở Việt Nam thường tập trung chủ yếu vào các giá trị văn hóa mà ít khám phá, phân tích hoặc đánh giá các giá trị khác. Trong khi đó, giới học thuật quốc tế ngày càng nhấn mạnh việc xác định, phân tích và đánh giá một phạm vi giá trị rộng hơn, vốn cũng quan trọng không kém trong nghiên cứu về các nhóm dân tộc, đặc biệt là các nhóm dân tộc thiểu số. Bài viết này, dựa trên nền tảng lý thuyết về giá trị, đề xuất một cách tiếp cận và khung phân tích các giá trị dân tộc nói chung, các giá trị của dân tộc/tộc người ở vùng biên giới đất liền của Việt Nam nói riêng.

Từ khóa: Giá trị, giá trị dân tộc/tộc người, vùng biên giới đất liền, Việt Nam, dân tộc thiểu số

On identifying and analyzing the ethnic values of Vietnam's land border areas today

Abstract: Studies on ethnic groups in Vietnam have often focused primarily on their cultural values, with limited exploration, analysis, or evaluation of other types of values. Meanwhile, international scholarship has increasingly emphasized the identification, analysis, and assessment of a broader range of values, which are equally significant in the study of ethnic groups, particularly minority groups. This article, building on the theoretical foundations of value, proposes an approach and analytical framework for studying ethnic values in general, and specifically those of ethnic groups in the land border regions of Vietnam.

Keywords: Values, ethnic values, land border region, Vietnam.

Ngày nhận bài: 13/2/2025; **Ngày phản biện:** 26/2/2025; **Ngày duyệt đăng:** 19/3/2025

1. Đặt vấn đề

“Giá trị” (value) là khái niệm có nội hàm rộng, được nhiều ngành trong khoa học xã hội sử dụng. Trong bối cảnh các vấn đề dân tộc/tộc người ngày càng nhạy cảm về mặt chính trị, dễ bị quốc tế hóa, nghiên cứu về giá trị dân tộc/tộc người là lĩnh vực chuyên sâu được giới học thuật quan tâm ngày càng nhiều hơn. Ở Việt Nam, nghiên cứu về giá trị đã có sự phát triển đáng kể nhưng nghiên cứu về giá trị dân tộc còn hạn chế về cả lý luận và thực tiễn. Các nghiên cứu đã có về giá trị dân tộc thường mới tập trung vào giá trị văn hóa, trong khi theo lý luận về giá trị, còn nhiều giá trị khác cũng rất quan trọng nếu được nghiên cứu và chỉ rõ, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày hôm nay. “Giá trị tộc người” thực tế hầu như chưa được sử dụng như một khái niệm độc lập. Những nghiên cứu đặt ra việc phân tích sâu và hệ thống hơn về giá trị dân tộc/tộc người, đặt trong bối cảnh đa dân tộc và các đặc thù vùng miền, cần có cách tiếp cận phù hợp và hiệu dụng hơn.

Khái niệm “dân tộc” trong bài viết này tập trung vào nhóm các dân tộc thiểu số cư trú ở vùng biên giới đất liền, do đó được dùng với nghĩa là “dân tộc/tộc người”. Cách chọn này phù hợp với quan điểm của nhiều nhà nghiên cứu về dân tộc ở Việt Nam thời gian qua (Trần Trung và cộng sự, 2020, 26-27; Lê Văn Lợi, 2018, 11-16; Vương Xuân Tình, 2014; 2019, 60-73).

Bài viết này, từ tiếp cận Tôn giáo học và Xã hội học, sử dụng phương pháp phân tích dữ liệu thứ cấp, bắt đầu với việc trình bày cơ sở lý luận về giá trị nói chung và giá trị dân tộc/tộc người nói riêng. Tiếp đó, bài viết đề xuất một cách tiếp cận, phân loại và phân tích các giá trị dân tộc/tộc người, tập trung vào vùng biên giới đất liền của Việt Nam, nơi tiếp giáp với Trung Quốc (khu vực miền núi phía Bắc), Lào và Campuchia (khu vực miền Trung-Tây Nguyên và Tây Nam Bộ). Đây là vùng đất liền mang các đặc thù về địa hình, dân cư, văn hóa và vị thế địa-chính trị.

2. Lý luận về giá trị

Có nhiều cách tiếp cận về giá trị (value), chẳng hạn từ Kinh tế học, Triết học, Xã hội học, Đạo đức học, Văn hóa học... Trong tiếp cận *Kinh tế học*, giá trị thường phải mang ý nghĩa cụ thể, định lượng được dưới dạng con số. Tuy nhiên, tiếp cận Kinh tế học về giá trị không giúp đo lường và quy ra giá cả những thứ như lòng yêu nước, tình bác ái, ý thức dân tộc, tấm lòng từ thiện dựa trên đức tin hay lòng nhiệt tình tôn giáo... Tiếp cận *Triết học* trước đây cơ bản cho rằng "giá trị" xuất hiện với tư cách là vấn đề thuộc về việc đánh giá, thường thực hiện bằng cách trả lời các câu hỏi như cái gì là tốt, là đẹp, là hữu ích?, v.v.. (xem Ergen, 2015, 163). Các giá trị cốt lõi quyết định hành vi của mỗi cá nhân, chúng không dễ dàng bị thay thế và có thể là lý do khiến cho mỗi cá nhân sẵn sàng hi sinh hoặc vượt qua gian khổ để giữ bằng được các giá trị đã có (Cipriani, 2010). Triết học thời hiện đại thường tiếp cận "giá trị" từ hai phương diện cơ bản là "giá trị nội tại" (intrinsic value) và "giá trị ngoại tại" (extrinsic value), cả hai đều liên quan đến các hành động hoặc sự phán xét về đạo đức (Mitchell, 1968, 218; Zimmerman Michael and Ben, 2019). Nhìn chung, Triết học xem cái gì có giá trị tức là cái mà trong nó có những phẩm chất đáng mong muốn, xuất hiện cùng với sự ra đời và mục đích tồn tại của thực thể đó.

Với tiếp cận *Xã hội học*, các giá trị đều hình thành từ bên ngoài con người, là những điều xã hội mong muốn, gán vào cho mỗi cá nhân, và thúc ép họ cư xử theo các giá trị ấy (Mitchell 1968). Đến trước thập kỷ 70 của thế kỷ XX, Xã hội học hoặc nhấn mạnh phương diện hành động (quan niệm về mong muốn vốn ảnh hưởng đến thể thức, phương tiện và mục đích của hành động) hoặc nhấn mạnh phương diện gán ý nghĩa cho hành động (niềm tin bền bỉ vào sự ưa chuộng đối với một thể thức ứng xử hay mục đích tồn tại cụ thể) (Hitlin and Piliavin, 2004, 362).. Theo khái quát của Marini (2000) thì giá trị là " (i) các quan niệm hay niềm tin, (ii) về kết quả mong muốn sau cùng hay các hành vi ứng xử, (iii) vốn vượt lên những tình huống cụ thể, (iv) dẫn hướng cho lựa chọn hoặc đánh giá về ứng xử và các sự kiện, và, (v) có tầm quan trọng đáng kể" (Marini, 2000, 362). Các giá trị do đó là những mục tiêu đầy tính ưu tiên, với mỗi người, sự lựa chọn là khác nhau do họ quan niệm khác nhau về cái gì là quan trọng hơn, đáng tuân thủ hơn (Norris và Inglehart, 2011, 247). Các giá trị có nhiều phương diện. Theo Cipriani (2010), các giá trị có phương diện về *nhận thức* (liên quan đến sự đánh giá tích cực hay tiêu cực, những sự thực được đa số chấp nhận, các hành vi); phương diện về *sự ảnh hưởng* (chấp nhận hay từ chối tuân thủ giá trị); phương diện *lựa chọn* (sự ảnh hưởng của giá trị đến các lựa chọn của con người); phương diện *đạo đức và chính trị*.

Ở Việt Nam, giá trị được một số nhà nghiên cứu như Phạm Minh Hạc (2010), Dương Phú Hiệp (2010), Ngô Đức Thịnh (2010) tiếp cận từ Triết học, Giá trị học hoặc Văn hóa học (ví dụ xem Phạm Minh Hạc, 2010; Ngô Đức Thịnh, 2010). Một người đã nêu ra định nghĩa như sau: "*Giá trị là các tư tưởng bao quát được cùng nhau tin tưởng mạnh mẽ ở một nhóm người, một giai tầng, một dân tộc hoặc một thời đại về cái gì là đúng, sai, thiện, ác, tốt xấu, hợp lý, không hợp lý*" (Dương Phú Hiệp, 2010, 42). Những gì có giá trị, theo tác giả, sẽ được các thành viên xã hội thừa nhận và xem như biểu tượng quan trọng trong đời sống, là lý tưởng mà cá nhân hay xã hội cần vươn tới.

Phân loại giá trị: Có một số cách phân loại giá trị phổ biến trong giới học thuật theo phẩm chất của chúng, như giá trị cá nhân và giá trị xã hội; giá trị tự nhiên và giá trị nhân tạo; giá trị vật chất và giá trị tinh thần; giá trị công cụ và giá trị tự thân; giá trị tạm thời và giá trị vĩnh viễn; giá trị đặc thù và giá trị phổ quát; giá trị lý thuyết và giá trị thực tiễn; giá trị tương đối và giá trị tuyệt đối, v.v... (Min, 1998). Giới nghiên cứu ở Việt Nam khi phân loại giá trị thường theo hai cách phổ biến, gồm *Giá trị phổ quát* và *giá trị đặc thù*; *Giá trị vật chất* và *giá trị tinh thần* (xem thêm Ngô Đức Thịnh, 2010, 25-26).

Tác động của giá trị: Giới khoa học quốc tế tương đối thống nhất khi nhận định rằng mỗi giá trị khi đã hình thành và ổn định, lại có tác động ngược trở lại cá nhân và xã hội. Các giá trị có tác động theo cách chúng *định hướng mong muốn và hành vi của con người trong cuộc sống* (Kluckhohn, 1951; Schwartz, 1992, 1-65; Cipriani, 2010; Norris and Inglehart, 2011, 247; Bobyrevva và cộng sự, 2019). Ở Việt Nam, Dương Phú Hiệp (2010) đánh giá rằng "giá trị là nhân tố nền tảng góp phần quyết định nhận thức và hành động của các nhân cách; đóng vai trò điều chỉnh các

nguyên vọng và hành động của con người; là chỗ dựa để đánh giá hành động của người khác và để định đoạt lợi ích xã hội của các thành viên trong cộng đồng” (Dương Phú Hiệp, 2010, 42). Tương đồng với nhận định này, Ngô Đức Thịnh (2010) cho rằng một khi những giá trị đã hình thành và định hình thì chúng sẽ *chi phối* cách suy nghĩ, niềm tin, hành vi, tình cảm của con người” (Ngô Đức Thịnh, 2010, 22).

Tóm lại, có thể hiểu *giá trị* trên các phương diện sau: giá trị phản ánh tư tưởng, đánh giá chủ quan của cá nhân hay nhóm về những gì hữu ích, cao quý; về sự phân biệt những gì tốt lành, đẹp đẽ, hay, đúng đắn, đáng cổ vũ và duy trì với những gì là ác, xấu xa, không hay, sai trái và đáng bị phê phán và loại bỏ. Các giá trị bộc lộ khi cá nhân hay nhóm có các tương tác xã hội với nhau với những hành vi ứng xử cụ thể; các giá trị do đó phần lớn do xã hội cấu thành và trông đợi ở mỗi cá nhân hay nhóm. Giá trị có tính ổn định cao nhưng có thể bị biến đổi tùy theo bối cảnh chính trị, kinh tế, văn hóa-xã hội. Giá trị khi đã hình thành có tác động theo cách định hướng hành vi ứng xử và đặt ra mong muốn cũng như mục đích vươn tới trong hành động của cá nhân hay nhóm. Giá trị có vai trò quan trọng trong cấu thành và bảo lưu bản sắc cá nhân, nhóm, tộc người.

3. Giá trị dân tộc và biểu hiện trong vùng biên giới đất liền ở Việt Nam

Từ đầu thế kỷ XX, trong số nhiều vấn đề nghiên cứu dân tộc được giới khoa học thảo luận sôi nổi là bản sắc, dân tộc tính, giá trị, văn hóa, tri thức tộc người và cộng đồng. Khái niệm về *dân tộc tính* (ethnicity) có mối liên hệ mật thiết đến ý niệm về giá trị dân tộc, cả hai đều nằm trong sự diễn tả mỗi cá nhân tin/quan niệm mình là người như thế nào, thuộc về dân tộc nào và liên hệ với người khác, thuộc dân tộc khác ra sao. Cho nên, giá trị dân tộc (ethnic values) có thể xem như chất keo kết dính các thành viên trong dân tộc lại với nhau (Bhattacharyya, 2009). Giá trị dân tộc có vai trò làm nền tảng cho dân tộc tính và cho bản sắc dân tộc (ethnic identity), đồng thời là một trong những nhân tố giúp xác định hay nhận diện một nhóm dân tộc cụ thể (Yang và cộng sự, 2019, 2-3).

Có những giá trị có vai trò nền tảng cho sinh tồn, giải thích cho sự tồn tại của dân tộc. Nếu một dân tộc không hình thành được căn tính dân tộc mình một cách rõ ràng, các thành viên dễ bị hướng theo các giá trị không gắn với căn tính của dân tộc ấy. Do đó, giá trị dân tộc được định nghĩa là “các quan niệm tập thể về cái gì được xem là tốt, là đáng mong muốn, là đúng đắn hay cái gì là xấu xa, không đáng mong muốn và không đúng đắn trong một dân tộc” (Makarevics và cộng sự, 2021, 135-136). Cách định nghĩa này gắn giá trị dân tộc với hai yếu tố là quan niệm của tập thể và sự đánh giá hay tiêu chuẩn phân định mà tại đó những cái có giá trị sẽ được khu biệt.

Ở Trung Quốc, một số nhà nghiên cứu về dân tộc thiểu số đã phát triển lý luận về giá trị dân tộc. Hou (2008) đã đưa ra định nghĩa “ethnic values” là “tổng thể các thái độ và xu hướng lựa chọn đã ổn định, bao gồm cả thành tố tình cảm xuất phát từ đánh giá ý nghĩa của *văn hóa dân tộc* bởi các thành viên theo nhu cầu của chính họ”. Đi sâu hơn, Yang và cộng sự (2019) cho rằng “các giá trị dân tộc thiểu số” (minority ethnic values) có một cấu trúc phức hợp, đa chiều, bao chứa nhiều đặc điểm tâm lý của các nhóm dân tộc thiểu số. Theo họ, nói đến giá trị dân tộc thiểu số là nói đến *cách các thành viên của dân tộc đó tự nhận thức về tầm quan trọng của dân tộc tính xuất phát từ các quan hệ dân tộc và thực hành dân tộc*. Giá trị dân tộc thiểu số chỉ ra nhận thức về dân tộc, cảm tình dân tộc và sự công nhận nhóm dân tộc của chính mình, chẳng hạn như: ngôn ngữ dân tộc, tập quán, và tôn giáo (Yang và cộng sự, 2019, 3). Theo quan điểm này, giá trị dân tộc có thể được quan sát qua *ý thức tộc người*, qua các *niềm tin và thực hành* của đời sống thường ngày, qua các tiêu chí mà người ta dựa vào khi *ứng xử*, đặc biệt là với các dân tộc khác. Nhóm này cũng lưu ý rằng các giá trị dân tộc thiểu số đang biến đổi theo hướng một số thành tố của giá trị dần biến mất do không còn tương thích với xã hội hiện đại, hoặc tích hợp thêm các nhân tố văn hóa mới (lối sống, quy phạm xã hội).

Dựa trên những gì đã trình bày ở trên, chúng tôi đề xuất cách hiểu về giá trị dân tộc/tộc người như sau: (i) Giá trị dân tộc/tộc người là những cái được chính dân tộc đó xem là hay, tốt, đẹp, đúng đắn và hữu ích; giá trị dân tộc do đó bao gồm các phương diện cơ bản như tri thức tộc người, văn hóa tộc người, ý thức tộc người, tín ngưỡng-tôn giáo tộc người, bản sắc, dân tộc tính; (ii) Giá trị dân tộc/tộc người có mối quan hệ mật thiết và đóng vai trò nền tảng đối với sự cấu

thành và duy trì bản sắc và dân tộc tính; (iii) Giá trị dân tộc tạo sự gắn kết các thành viên vào cùng một cộng đồng dân tộc, đồng thời thúc đẩy ý thức tộc người, lòng tự hào dân tộc; (iv) Các giá trị dân tộc/tộc người bộc lộ qua tương tác và hành vi ứng xử giữa các đại diện của các dân tộc với nhau; giữa các dân tộc có những giá trị chung và giá trị đặc thù; (v) Giá trị dân tộc/tộc người hình thành theo cách tích lũy, chùng cất theo thời gian, mà dân tộc đó rút ra từ các kinh nghiệm thực tiễn hàng ngày; nó ổn định nhưng không bất biến mà thay đổi theo tương tác với các dân tộc khác và phản ứng trước bối cảnh chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội bên ngoài; (vi) Giá trị dân tộc/tộc người thúc đẩy quá trình tộc người; thúc đẩy hội nhập với quốc gia - dân tộc. Đối với các tộc người cư trú vùng biên giới đất liền, tác động của giá trị dân tộc/tộc người còn có thể quan sát được ở các phương diện thực tiễn của đời sống như: tạo cơ sở cho đổi mới và đa dạng hóa sinh kế và phát triển kinh tế, hỗ trợ ổn định đời sống, nâng cao ý thức bảo vệ biên cương, lãnh thổ.

Như vậy, giá trị dân tộc có nội hàm rộng hơn giá trị văn hóa dân tộc, nên được xem là một phức hợp đa thành phần, mỗi thành phần có vai trò và ý nghĩa khác nhau. Có nhiều thứ cùng góp phần làm nên giá trị dân tộc/tộc người, đồng thời, sự đa dạng về dân tộc/tộc người làm nên sự đa dạng về giá trị. Do đó, chúng tôi cho rằng khi nhận diện, phân tích, phân loại giá trị dân tộc/tộc người, cần phải xem xét ít nhất là các thành tố cơ bản sau:

* *Tri thức dân tộc/tộc người* là những tri thức một tộc người tích lũy được từ khi khởi đầu đến hiện tại và được trao truyền, tinh lọc, chùng cất, chia sẻ, bảo vệ qua nhiều thế hệ thì nó trở nên có giá trị. Tri thức tộc người chỉ các kinh nghiệm dân gian, các tri thức truyền thống gắn với đặc trưng của một tộc người cụ thể. Tri thức bản địa xuất phát từ dân tộc bản địa, nên cũng là tri thức tộc người. Đây là loại tri thức được bồi tụ dần, trao truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác, chủ yếu dưới hình thức truyền miệng. Bùi Hoài Sơn (2010, 12-13) nhìn từ thực tế Việt Nam, nhấn mạnh thêm rằng tri thức bản địa có một số đặc thù, nhưng khác với tri thức khoa học, thường không tồn tại dưới dạng chữ viết, đòi hỏi niềm tin vô điều kiện khi áp dụng thay vì những luận giải duy lý, hình thành qua nhiều thế kỷ và thế hệ con người và vẫn còn được tiếp tục kiến tạo.

Tri thức tộc người ở Việt Nam biểu hiện giá trị của mình rất phong phú. Trong lĩnh vực ứng phó với biến đổi khí hậu, các nghiên cứu ở Nam Bộ như của Phan Thị Yến Tuyết (2008), Nguyễn Công Thảo (2019); ở khu vực Tây Bắc như của Trần Hồng Hạnh (2018), ở khu vực Đông Bắc như của Nguyễn Song Tùng (2018), ... đã cho thấy tri thức tộc người đã phát huy giá trị của mình trong cách hỗ trợ người dân tộc thiểu số ứng phó với biến đổi khí hậu nhằm bảo vệ, phát triển sinh kế... Một số nghiên cứu về dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc Việt Nam chỉ ra biểu hiện về giá trị tri thức tộc người như dựa trên nền tảng tri thức dân gian về sản xuất nông nghiệp, khai thác tài nguyên rừng và ẩm thực đã đảm bảo được an ninh lương thực và nguồn dinh dưỡng cần thiết cho phát triển con người; vận dụng tri thức dân gian trong chữa bệnh thông qua các bài thuốc làm từ động, thực vật; phổ biến tri thức và kỹ năng liên quan đến nhiều ngành nghề truyền thống qua hình thức truyền miệng; ứng phó với các hiểm họa từ tự nhiên (Trần Thị Thủy, 2022, 433-451; Nguyễn Ngọc Thanh, 2023). Với hầu hết các dân tộc thiểu số vùng biên giới đất liền, tri thức về phân loại rừng là rất hữu ích với cuộc sinh tồn của họ. Họ đã phân loại rừng thành rừng thiêng, rừng đầu nguồn, rừng có thể làm nương rẫy để canh tác và mỗi loại rừng có cách ứng xử khác nhau đảm bảo sự tương sinh lâu dài. Tri thức tộc người về dùng cây cỏ, thảo dược để phòng và chữa bệnh mà không gây tác dụng phụ đang được hàng hóa hóa, mang lại thu nhập. Những tri thức và kinh nghiệm cư trú vùng núi đã giúp một số người thoát được thảm họa lũ quét xảy ra tại làng Nủ (Lào Cai) ngày 13 tháng 9 năm 2024. Thực sự, giá trị tri thức của dân tộc không phải dễ dàng suy giảm và biến mất, đôi khi chỉ là tạm ẩn sâu, nhường chỗ cho những giá trị tạm thời khác và vẫn phát huy hiệu quả nếu biết vận dụng đúng lúc, đúng chỗ.

* *Văn hóa dân tộc/tộc người* đã được nhiều nhà nghiên cứu đề xuất cách xác định giá trị. Vương Xuân Tinh (2014, 38-39) lý luận rằng văn hóa của một cộng đồng tộc người "có đặc trưng khác với tộc người khác, thể hiện qua ngôn ngữ, văn hóa và tự giác tộc người". Trong cách nhìn này, văn hóa tộc người là cái chuyên chở bản sắc tộc người. Phạm Văn Dương (2020, 30-31), khi bàn về nhận diện giá trị văn hóa tộc người trong bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa phục vụ phát triển kinh tế-xã hội ở Hà Giang cho rằng cần xác định ba nhóm giá trị gồm giá trị tự thân

của các di sản tộc người; giá trị kế thừa, tiếp biến trong đời sống đương đại; giá trị tích hợp, phát triển. Hoàng Thị Thu Hương (2022, 85) xác định phổ các giá trị văn hóa truyền thống tộc người là rộng hơn, gồm các nghề truyền thống ở địa phương; nhà ở truyền thống; trang phục truyền thống; ẩm thực truyền thống; phương tiện di chuyển; phong tục; tín ngưỡng, tôn giáo; lễ hội truyền thống; các nhạc cụ, điệu múa, dân ca truyền thống; ngôn ngữ. Như có thể thấy, các giải pháp, thành tựu, các mẫu hình ứng xử của con người trong quá trình tương tác với thiên nhiên và với nhau được trao truyền qua các thế hệ đã tạo nên giá trị. Văn hóa gồm cả phương diện hữu hình/vật thể và vô hình/phi vật thể và các di sản của văn hóa tạo nên tài sản giàu giá trị của một dân tộc/tộc người, thể hiện các mẫu hình về giải pháp hiệu quả trong cách chinh phục khó khăn của điều kiện tự nhiên để có thể sinh tồn. Hơn nữa, cách các dân tộc vùng biên giới đất liền tìm ra và duy trì mối quan hệ hòa đồng với nhau, cùng hướng đến lợi ích chung cũng thể hiện giá trị dân tộc/tộc người.

Giá trị văn hóa của các tộc người ở vùng biên giới đất liền Việt Nam không luôn đồng nhất, do sự đa dạng về dân tộc và do đặc thù dân tộc-tôn giáo cùng địa bàn cư trú. Ở nơi đây, có sự cư trú đan xen giữa dân tộc Kinh là đa số và các dân tộc thiểu số, do đó văn hóa vừa là tổng hòa của văn hóa mỗi dân tộc, lại vừa mang nét riêng. Ở vùng miền núi phía Bắc, miền Trung và Tây Nguyên, hiện nay, bên cạnh đa số các dân tộc thiểu số vẫn duy trì tín ngưỡng truyền thống, với đặc trưng thờ cúng đa thần, còn có các cộng đồng theo Ki tô giáo (Tin Lành, Công giáo) vốn tin thờ Chúa trời là vị thần duy nhất. Trong trường hợp các cộng đồng này, văn hóa tộc người trải qua quá trình thanh lọc, đổi mới, gần với văn hóa phương Tây và hiện đại hơn. Cho nên nói đến giá trị văn hóa tộc người lại phải xem xét trường hợp cộng đồng cụ thể, vốn gắn với các giá trị truyền thống, hay đang chịu ảnh hưởng của các giá trị văn hóa của tôn giáo có nguồn gốc phương Tây vốn đề cao tính cá nhân, tính dân chủ và tính bình đẳng. Ở vùng biên giới Tây Nam Bộ, ngoài dân tộc Kinh, chủ yếu theo tín ngưỡng dân gian hoặc Phật giáo Đại thừa, còn có hai cộng đồng Chăm và Khmer gần như có sự trùng khít giữa dân tộc và tôn giáo. Dân tộc Chăm theo Islam, thể hiện các giá trị văn hóa Islam, còn người Khmer theo Phật giáo Nam tông Khmer, mang những đặc trưng và giá trị văn hóa Phật giáo tiểu thừa. Hai dân tộc này còn dễ dàng kết nối với các cộng đồng cùng dân tộc và tôn giáo ở ngay bên kia biên giới.

* *Ý thức tộc người* được giới nghiên cứu nhận định là sự tự nhận thức, hiểu biết và ý thức về bản sắc, đặc điểm văn hóa, ngôn ngữ, truyền thống và lịch sử của một cộng đồng người cùng chia sẻ những giá trị chung. Ý thức như thế bao gồm sự tự nhận thức về những cái khác biệt của mình, đồng thời xác định vị trí và vai trò của tộc người trong một xã hội cụ thể. Ý thức tộc người không chỉ liên quan đến yếu tố cá nhân mà còn mang tính tập thể, đóng vai trò trong việc bảo tồn văn hóa, duy trì sự đoàn kết và phát triển cộng đồng. Nó thường xuất hiện rõ ràng hơn trong bối cảnh tương tác, xung đột, hoặc giao thoa văn hóa giữa các tộc người (Kim-Ju và cộng sự, 2003, 291).

Ở Việt Nam, một số nhà nghiên cứu cũng đã góp phần làm rõ khái niệm này (xem Khổng Diễn, 2019, 40; Nguyễn Thị Thanh Bình và cộng sự, 2023, 47). Trần Kỳ Đống (2021, 1346) khi thảo luận về ý thức tộc người đã lý luận rằng ý thức tộc người có thể được nhận diện qua “ý thức về cội nguồn tộc người, ý thức về lãnh thổ, ý thức về khát vọng của tộc người phản ánh trong chính trị, đạo đức, nghệ thuật, tôn giáo”. Cách tiếp cận này theo chúng tôi đã bao trùm được những yếu tố quan trọng và phổ biến nhất, đã được nhất trí trong giới nghiên cứu, về những gì cấu thành bản sắc văn hóa nói riêng và bản sắc tộc người nói chung.

Đặt mối liên hệ giữa bảo tồn và phát huy giá trị dân tộc với đảm bảo an ninh, chính trị vùng biên giới đất liền, trong một nghiên cứu về ý thức quốc gia - dân tộc của các tộc người thiểu số, một nhóm tác giả chỉ ra rằng vùng biên thường có những tộc người vắt ngang đường biên, thuộc về công dân của hai quốc gia. Đặc thù này là một trong những nguyên nhân khiến ý thức tộc người, sự cố kết tộc người được đề cao hơn ý thức quốc gia (Nguyễn Thị Thanh Bình và cộng sự, 2023, 260). Phương diện này là một đặc thù và cũng là biểu hiện của giá trị tộc người cần được phân tích và nhận diện sâu hơn.

* *Tín ngưỡng, tôn giáo tộc người* trong nhiều nghiên cứu cho thấy có vai trò như các thiết chế và chúng phản ánh các thế giới quan, nhân sinh quan mà tộc người đó cho là quan trọng và

có ý nghĩa. Chúng được duy trì tiếp nối qua các thế hệ, hỗ trợ gia tăng tính cố kết tộc người, giúp họ vượt qua những khó khăn, khủng hoảng và tìm kiếm sự an ổn của đời sống tinh thần và cả sự phát triển về đời sống vật chất (Nguyễn Văn Minh, 2013; Hoàng Thị Lan và cộng sự, 2020, 82-88). Đồng thời, các thực hành nghi lễ trong tín ngưỡng tộc người còn giúp chính các thành viên đó nhận diện ra nhau, tìm thấy nhau, tái kết nối với nhau dù ở không gian cư trú nào. Tín ngưỡng còn tạo nên bản sắc văn hóa độc đáo của tộc người đó (Trần Thị Hồng Yến, 2022, 104-105). Hơn nữa, nhiều nghiên cứu còn chỉ ra thực tế là có những cộng đồng dân tộc thiểu số theo tôn giáo ở vùng biên giới đất liền đã có sự cải đổi nhiều phương diện của đời sống một cách tích cực và mạnh mẽ. Đó là biểu hiện rõ ràng của việc giá trị tôn giáo được tiếp nhận và phát huy ảnh hưởng của mình.

Những tác động của giá trị dân tộc/tộc người, đặt trong liên hệ với thực tiễn ở vùng biên giới đất liền Việt Nam, có biểu hiện như sau: Các giá trị dân tộc/tộc người định hướng chủ thể trong cách ứng xử và quan hệ với dân tộc/tộc người khác; các giá trị dân tộc/tộc người có thể hỗ trợ chủ thể trong quá trình hội nhập với thực thể lớn hơn đó là quốc gia - dân tộc; các giá trị dân tộc/tộc người có thể hỗ trợ chủ thể trong đa dạng hóa các hoạt động tạo ra và gia tăng thu nhập; các giá trị dân tộc/tộc người có thể giúp chủ thể thích ứng với biến đổi về chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội; các giá trị thúc đẩy việc giáo dục và củng cố ý thức dân tộc/tộc người về sự đoàn kết bên trong, bảo vệ bản sắc tộc người.

4. Kết luận

Bài viết này từ việc làm rõ cơ sở lý luận về giá trị đã đề xuất cách nhận diện và phân tích các giá trị dân tộc trong bối cảnh vùng biên giới đất liền của Việt Nam. Những giá trị đã khái quát lên, bao gồm *giá trị tri thức tộc người*, *giá trị ý thức tộc người*, *giá trị văn hóa* và *giá trị tôn giáo* là dựa trên những nền tảng lý luận trong Dân tộc học, Văn hóa học và Tôn giáo học với sự đóng góp của nhiều nhà khoa học trong nước và quốc tế. Trong thực tiễn Việt Nam, các vùng biên giới trải từ Bắc vào Nam khá đa dạng về tộc người và có những đặc thù riêng về văn hóa, lối sống. Những nhìn chung, hai giá trị đặc sắc nhất của các dân tộc ở vùng biên giới là giá trị văn hóa và giá trị tri thức. Giá trị văn hóa giúp các dân tộc duy trì bản sắc và tồn tại tộc người, trong khi đó giá trị tri thức tộc người

Các giá trị dân tộc có biến đổi theo thời gian, nhưng cơ bản là ổn định, có ý nghĩa trong thúc đẩy ghi nhận và chia sẻ những cái hay, cái đẹp, cái hữu ích mà một dân tộc tích lũy cho mình quá các thế hệ và suốt quá trình phát triển. Trong bối cảnh mà các vấn đề dân tộc - tôn giáo rất dễ bị chính trị hóa và quốc tế hóa, thì việc nhận diện và phát huy các giá trị dân tộc ở vùng biên giới đất liền có vai trò quan trọng trọng bảo vệ lãnh thổ, đảm bảo an ninh quốc gia và phát triển bền vững. Hơn nữa, việc phát huy hiệu quả các giá trị dân tộc có thể giúp hình thành những giá trị mới và ở mức lý tưởng là góp phần vào hình thành hệ giá trị quốc gia - dân tộc.

Ghi chú: Bài viết này là sản phẩm của Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ: "Bảo tồn và phát huy giá trị dân tộc, tôn giáo vùng biên giới đất liền nhằm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh, chính trị trong điều kiện hiện nay", thuộc Chương trình trọng điểm cấp Bộ: "Nghiên cứu tổng thể vùng biên giới đất liền ở Việt Nam góp phần phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh, chính trị trong điều kiện hiện nay" do Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam chủ trì.

Tài liệu tham khảo

- Bhattacharyya, G. (2016). Introduction: ethnicities, values and old-fashioned racism. In *Ethnicities and Values in a Changing World* (pp. 1-34). Routledge.
- Bobyreva, E., Zheltukhina, M., Korovina, K., & Busygina, M. (2019). Religious values in global communication of modern society: trends in the development and transformation. In *SHS Web of Conferences* (Vol. 69, p. 00021). EDP Sciences.
- Bùi Hoài Sơn (2010). Một đôi nét về khái niệm tri thức bản địa. Tạp chí *Diễn đàn văn hóa nghệ thuật*, số 308, tháng 2.

- Cipriani, R. (2010). Religion, values and sustainable development. Vol. I - *Religion, Values and Sustainable Development*, University of Rome 3, Italy.
- Dương Phú Hiệp (2010). Quan niệm về mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển hệ giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam với tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*, số 1, 41-46.
- Ergen, G. (2015). Hierarchical classification of values. *International Journal of Progressive Education*, 11(3), 162-186.
- Hitlin, S., & Piliavin, J. A. (2004). Values: Reviving a dormant concept. *Annu. Rev. Sociol.*, 30(1), 359-393.
- Hoàng Thị Lan và Cao Phan Giang (2020). Đời sống tôn giáo, tín ngưỡng vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 5, 82-88.
- Hoàng Thị Thu Hương (2022). Đánh giá tác động của du lịch cộng đồng đến bảo tồn văn hoá tộc người ở khu vực hồ Hòa Bình và đề xuất quy trình bảo tồn bền vững. *HNUE journal of science*, Vol.67, Issue 2, 82-93.
- Hou, A. B. (2008). The Structure, Characteristics and Change of Ethnic Minorities' Values. Doctoral Dissertation. Southwest University, Chongqing.
- Kim-Ju, G. M., & Liem, R. (2003). Ethnic self-awareness as a function of ethnic group status, group composition, and ethnic identity orientation. *Cultural diversity and ethnic minority psychology*, 9(3), 289.
- Gluckhohn, C. (1951). Values and value-orientations in the theory of action: an exploration in definition and classification. *Toward a General Theory of Action*, eds. T. Parsons, and E. Shils, (Cambridge, MA: Harvard University Press), 388-433.
- Khổng Diễn (2019). Về tiêu chí xác định tộc người ở một số nước trên thế giới. *Tạp chí Khoa học, Giáo dục và Công nghệ*, số 1, 39-45.
- Lê Văn Lợi (chủ biên, 2018). *Giải quyết vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay*. Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
- Makarevičs, V., & Iliško, D. (2021, May). MANIFESTATION OF ETHNICITY AND VALUES: THE CASE STUDY FROM THE EASTERN LATVIA. In *SOCIETY. INTEGRATION. EDUCATION. Proceedings of the International Scientific Conference* (Vol. 6, pp. 133-141).
- Marini, M. M. (2000). *Social values and norms. The encyclopedia of sociology*, ed. E. F. Borgatta and R. J. V. Montgomery. New York: Macmillan, 2828-2840.
- Min, T. K. (1998, January). A Study on the Hierarchy of Values. In *The Paideia Archive: Twentieth World Congress of Philosophy* (Vol. 40, pp. 67-75).
- Mitchell, G. D. (ed., 1968). *A Dictionary of Sociology*. Routledge & Kegan Paul, London.
- Norris, P., & Inglehart, R. (2011). *Sacred and secular: Religion and politics worldwide*. Cambridge University Press.
- Ngô Đức Thịnh (chủ biên 2010). *Bảo tồn, làm giàu và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam*. Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- Nguyễn Công Thảo (chủ biên, 2019). *Tri thức tộc người trong ứng phó với biến đổi khí hậu của người Kinh và Khơ-me ở tỉnh Cà Mau*. Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- Nguyễn Ngọc Thanh (chủ biên, 2023). *Tri thức dân gian của dân tộc Dao ở Việt Nam trong sử dụng và bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên*. Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- Nguyễn Song Tùng (chủ biên 2018). *Đặc trưng sinh thái nhân văn và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu của một số cộng đồng dân tộc thiểu số ở vùng núi Đông Bắc Việt Nam*. Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- Nguyễn Thị Thanh Bình, Vương Xuân Tình (đồng chủ biên).(2023). *Ý thức quốc gia-dân tộc ở các tộc người vùng biên giới Việt Nam-Trung Quốc*. Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- Nguyễn Văn Minh (2013). *Tôn giáo, tín ngưỡng các dân tộc ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- Phạm Minh Hạc (2010). *Giá trị học: Cơ sở lý luận góp phần đúc kết, xây dựng quan hệ giá trị chung của người Việt Nam thời nay*. Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

Phạm Văn Dương (2020). Nhận diện giá trị văn hóa tộc người trong bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa phục vụ phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Hà Giang. Tạp chí *Thông tin khoa học xã hội*, số 4, 29-35.

Phan Thị Yến Tuyết (2008). Văn hóa vùng miền Đông Nam Bộ và sự thích nghi với môi trường sinh thái. Kỷ yếu hội thảo *Vai trò của văn hóa dân gian trong quá trình phát triển miền Đông Nam Bộ*, Kiên Giang.

Schwartz, S. H. (1992). Universals in the content and structure of values: theoretical advances and empirical tests in 20 countries. *Adv. Exp. Soc. Psychol.* 25, 1-65.

Schwartz, S. H. and Bilsky, W. (1987). Toward a psychological structure of human values. *Journal of Personality and Social Psychology*. 53, 878-891.

Trần Hồng Hạnh (chủ biên, 2018). *Biến đổi khí hậu và sinh kế của một số dân tộc thiểu số ở vùng miền núi Tây bắc Việt Nam*. Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.

Trần Kỳ Đồng (2021). Ý thức tộc người với giả thuyết về hệ hình tư duy trong những vấn đề văn hóa các tộc người thiểu số ở Việt Nam đang đổi mới. Tạp chí *Phát triển khoa học và Công nghệ - Khoa học Xã hội và Nhân văn*, số 5 (4), 1345-1356.

Trần Thị Hồng Yến (2022). Thực trạng tôn giáo, tín ngưỡng ở một số dân tộc thiểu số vùng biên giới Việt Nam-Trung Quốc (nghiên cứu tại hai tỉnh Điện Biên và Hà Giang). *Tạp chí Dân tộc học*, số 4, 98-112.

Trần Thị Thủy (2022). Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể vì mục tiêu phát triển bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc Việt Nam. Trong: (Nhiều tác giả) *Hướng tiếp cận giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn di sản văn hóa với phát triển kinh tế-xã hội*. Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

Trần Trung và Nguyễn Thị Ánh Tuyết (đồng chủ biên). (2020). *Nghiên cứu về dân tộc và công tác dân tộc ở Việt Nam: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*. Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.

Vương Xuân Tình (2014). *Văn hóa với phát triển bền vững ở vùng biên giới Việt Nam*. Nxb. Khoa học Xã hội.

Yang, Y., Liang, F., Quan, F., Jiang, G., Yu, K., & Zheng, Y. (2019). The importance of ethnicity: Developing a measure of minority ethnic value and value-expressive behavior among Chinese ethnic minorities. *Frontiers in Psychology*, 10, 2603.

Zimmerman Michael, J. and Ben, B. (2019). Intrinsic vs. Extrinsic Value. *The Stanford Encyclopedia of Philosophy* (Spring 2019 Edition). Edward N. Zalta (ed.). Truy xuất tại: URL = <https://plato.stanford.edu/archives/spr2019/entries/value-intrinsic-extrinsic/>, ngày 15/12/ 2024.

THẺ LỆ GỬI BÀI CHO TẠP CHÍ KHOA HỌC XÃ HỘI MIỀN TRUNG

1. Bài viết gửi đăng trên Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung phải là bài viết chưa từng được gửi đăng, đăng tải trên bất kỳ các sách, báo, tạp chí khác.
2. Bài viết gửi đăng có dung lượng từ 5.000-8.000 từ, được đánh máy vi tính trên khổ giấy A4, sử dụng font chữ Times New Roman, cỡ chữ 14, cách dòng Single, các đoạn 6 pt. Trang đầu tiên của bài viết bao gồm các thông tin về tác giả: họ và tên, học hàm, học vị, cơ quan công tác, số điện thoại, địa chỉ email liên hệ (nếu có từ 02 tác giả trở lên, đều phải đảm bảo đầy đủ thông tin trên).
3. Tiêu đề bài viết, tóm tắt (khoảng 100-200 từ), từ khoá phải được trình bày cả bằng tiếng Việt và tiếng Anh ngay sau trang thông tác giả.
4. Kết cấu bài viết được chia thành các mục, tiểu mục và cần đánh theo số thứ tự: 1. Đặt vấn đề; 2.; 2.1.; 2.1.1.; ...; n. Kết luận; Tài liệu tham khảo. Tên của mục và tiểu mục cần viết ngắn gọn, thể hiện bản chất của nội dung trình bày và không có dấu chấm ở cuối dòng.
5. Tên riêng của người, địa phương, thuật ngữ tiếng nước ngoài để nguyên văn, không phiên âm sang tiếng Việt, trừ những tên, thuật ngữ đã được Việt hoá (như Trung Quốc, Thái Lan, ...).
6. Bài viết phải đảm bảo trích dẫn đầy đủ các thông tin, số liệu, nội dung, đại ý, kết luận... (nếu tham khảo từ các tài liệu khác). Đối với các đoạn trích dẫn trong bài viết nếu trích dẫn nguyên văn thì phần trích dẫn phải được để trong dấu ngoặc kép, nếu là trích dẫn nội dung, đại ý (bao gồm cả số liệu, thông tin, kết luận, phát hiện, ... không dùng nguyên văn) thì không phải để trong dấu ngoặc kép. Cả 2 loại trích dẫn này đều được trích nguồn đầy đủ và ở dạng chữ thường.
7. Tài liệu trích dẫn được trình bày trong dấu ngoặc đơn và viết theo thứ tự sau:
 - Là tác giả Việt Nam: Họ và tên tác giả, năm xuất bản, số trang (nếu có). Ví dụ (Nguyễn Văn A, 2011, 10).
 - Là tác giả nước ngoài: Họ tác giả, năm, số trang (nếu có). Ví dụ (Stiglitz, 1986).
8. Chú thích được trình bày trong dấu ngoặc đơn và đánh số thứ tự 1, 2, 3. Nội dung của chú thích được trình bày ở cuối bài viết bằng mục Chú thích và đặt trên tài liệu tham khảo. Ví dụ: Vùng Nam Trung Bộ⁽¹⁾. Cuối bài viết trình bày:

Chú thích:

(1) Vùng Nam Trung Bộ bao gồm 8 tỉnh/thành phố Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Ninh Thuận, Bình Thuận.

9. Tài liệu tham khảo được trình bày theo chuẩn quốc tế APA và được sắp xếp theo thứ tự Alphabet.
 - + Đối với tài liệu là bài báo trong các tạp chí:
 - *Tác giả người Việt Nam:* Họ và tên tác giả (năm xuất bản). Tiêu đề bài viết. *Tên tạp chí*, số quyển (số phát hành), số trang. Ví dụ: Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn B (2024). Phát triển kinh tế Việt Nam. *Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung*, 1(82), 3-10.
 - *Tác giả người nước ngoài:* Họ tác giả, tên viết tắt. (năm xuất bản). Tiêu đề bài viết. *Tên tạp chí*, số quyển (số phát hành), số trang. Ví dụ: Wang, S., Wang, J., Shen, W., & Wu, H. (2023). The evaluation of tourism service facilities in Chinese traditional villages based on the living protection concept: Theoretical framework and empirical case study. *Journal of Asian Architecture and Building Engineering*, 22(1), 14-31.
 - + Đối với tài liệu là sách:
 - *Tác giả người Việt Nam:* Họ và tên tác giả (năm xuất bản). *Tiêu đề sách (phiên bản)*. Nhà xuất bản. Nơi xuất bản. Ví dụ: Nguyễn Văn A (chủ biên). (2024). *Giáo trình kinh tế phát triển*. Nxb Giáo dục. Hà Nội.
 - *Tác giả người nước ngoài:* Họ tác giả, tên viết tắt. (năm xuất bản). *Tiêu đề sách (phiên bản)*. Nhà xuất bản. Nơi xuất bản. Ví dụ: Chang, H. J. (Ed.). (2003). *Rethinking development economics* (Vol. 1). Anthem Press.
 - + Đối với tài liệu là bài đăng trên kỷ yếu hội thảo:
 - *Tác giả người Việt Nam:* Họ và tên tác giả (năm xuất bản). Tiêu đề tham luận. *Tên kỷ yếu hội thảo* (Số trang). Nơi xuất bản. Ví dụ: Nguyễn Văn A (2024). Điều chỉnh tỷ giá thị trường. *Hội thảo phát triển kinh tế miền Trung* (10-20). Đà Nẵng.
 - *Tác giả người nước ngoài:* Họ tác giả, tên viết tắt. (năm xuất bản). Tiêu đề tham luận. *Tên kỷ yếu hội thảo* (số trang). Nơi xuất bản. Ví dụ: Kremer, M., Rao, G., & Schilbach, F. (2019). Behavioral development economics. In *Handbook of behavioral economics: applications and foundations 1* (Vol. 2, pp. 345-458). North-Holland.
 - + Đối với tài liệu là bài đăng trên internet:
 - *Tác giả người Việt Nam:* Họ và tên tác giả (năm xuất bản). *Tiêu đề bài viết*. Truy xuất từ đường dẫn trang web, ngày/tháng/năm truy cập. Ví dụ: Minh Ngọc (2024). *FDI tháng 5/2024: Vốn điều chỉnh đạt mức tăng ấn tượng*. Truy xuất từ <https://baochinhphu.vn/fdi-thang-5-2024-von-dieu-chinh-dat-muc-tang-an-tuong-102240528083927875.htm>, ngày 10/5/2024.
 - *Tác giả người nước ngoài:* Họ tác giả, tên viết tắt. (năm xuất bản). *Tiêu đề bài viết*. Truy xuất từ đường dẫn trang web, ngày/tháng/năm truy cập. Ví dụ: Lund, C. (2023). *The Effects of Mental Health Interventions on Labor Market Outcomes in Low- and Middle-Income Countries*. Truy xuất tại <https://www.nber.org/papers/w32423>, ngày 10/5/2024.

10. Xin gửi bản thảo bài viết qua địa chỉ email: tckhxmientrung@gmail.com

Lưu ý: Toà soạn Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung chỉ nhận bài viết đáp ứng đúng thể lệ gửi bài trên.

Thông tin liên hệ:

Toà soạn Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung

Địa chỉ: Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3962.510

Website: <https://isscr.vass.gov.vn> hoặc <https://vjol.info.vn/index.php/isscr/index>

GIÁ: 30.000 đồng

CVRSS

Central Vietnamese Review of Social Sciences

TẠP CHÍ KHOA HỌC XÃ HỘI MIỀN TRUNG

Địa chỉ: Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: 0236.3962.510

Email: tckhxmientrung@gmail.com